

Bản án số: 162/2021/HS-PT

Ngày 26 tháng 3 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 246/2020/TLPT-HS ngày 01 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo Trần H, Trần Đình D, Lê Vũ Trường S, Phạm Bá C, do có kháng cáo của các bị cáo và Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 19/QĐ-VKS-P3 ngày 10/6/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự số 147/2020/HS-ST ngày 26/5/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Bị cáo có kháng cáo:

1. Trần H, sinh năm 1961; tại Đắc Lắc;

Nơi thường trú: T47 đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc; chỗ ở: Số 16/16/31 đường N, phường 2, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Phó Giám đốc Ngân hàng VRB.HCM; con ông: Trần Chi và bà: Nguyễn Thị B; vợ Phạm Thị Thu H và có 02 người con (lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1992); tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 25 tháng 5 năm 2011 đến ngày 01 tháng 9 năm 2011 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

2. Trần Đình D, sinh năm 1984, tại Đắc Lắc;

Nơi thường trú: 34E đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở: 23/4/3, đường số 48, khu phố 6, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên cán bộ Phòng Quan hệ khách hàng Ngân hàng VRB.HCM; con ông Trần L và bà Võ Thị P; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 30 tháng 5 năm 2011 đến ngày 01 tháng 9 năm 2011 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

3. Lê Vũ Trường S, sinh năm 1973; tại Quảng Trị;

Nơi thường trú: P224 Lô B – chung cư Phường 3, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: B211 chung cư K, 360C đường B, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Phó phòng Quan hệ khách hàng Ngân hàng VRB.HCM; con ông Lê Văn S và bà Vũ Thị T; có vợ Trần Thị Như Y và 01 người con (sinh năm 2004); tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 24 tháng 5 năm 2011 đến ngày 01 tháng 9 năm 2011 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

4. Phạm Bá C, sinh năm 1974; tại Quảng Ngãi;

Nơi thường trú: 78 đường 40, phường T, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Phòng 203 Lô A3, Chung cư A, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Phó phòng Quan hệ khách hàng Ngân hàng VRB.HCM; con ông Phạm Bá L và bà Lê Thị N; có vợ Lê Duy L và 01 người con (sinh năm 2004); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 24 tháng 5 năm 2011 đến ngày 01 tháng 9 năm 2011 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo:

+ Ông Đỗ Hải Bình - Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, bào chữa cho bị cáo Trần H, Trần Đình D - có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn Tài - Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, bào chữa cho bị cáo Phạm Bá C - có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn Chiến - Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, bào chữa cho bị cáo Lê Vũ Trường S - có mặt.

Bị hại: Ngân hàng Liên doanh V (VRB), hội sở chính: 85 đường L, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Kiều G (quyền Giám đốc Ban pháp chế VRB) và ông Lê Văn T (Phó Giám đốc VRB) (theo Giấy ủy quyền số 1313/QĐ-PC ngày 22/11/2018) – có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ - Vận tải M; đại diện theo pháp luật: Ông Lê Viết Trà, sinh năm 1983; nơi cư trú: 56/29 Đường số 3, phường B, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh - vắng mặt.

- Công ty TNHH A, địa chỉ: 52/24 đường ĐT 743, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; đại diện theo pháp luật: Ông Hà Hữu Tường – vắng mặt.

- Công ty TNHH K Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Phòng 606 tòa nhà Indochina, số 4 đường N, phường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Ngọc B (theo giấy ủy quyền ngày số 07/GUQ-2019 ngày 01/3/2019) – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ - Vận tải M (sau đây viết tắt là Công ty M) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102029247 ngày 13/4/2005 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH A (sau đây viết tắt là Công ty A) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000701 ngày 17/3/2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương. Cả hai Công ty trên đều do vợ chồng Hồ Minh Hậu và Phạm Thị Ái Loan sáng lập và chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động.

Các cán bộ của Ngân hàng Liên doanh V - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là VRB.HCM) gồm: Lê Nông (Giám đốc), Trần H (Phó Giám đốc), Lê Vũ Trường S và Phạm Bá C (là phó Phòng Quan hệ khách hàng, sau đây viết tắt là QHKK), Trần Đình D (là cán bộ Phòng Quan hệ khách hàng). Trong quá trình tiến hành ký kết và thực hiện các hợp đồng tín dụng giữa VRB.HCM với Công ty M và Công ty A thì Trần H, Trần Đình D, Lê Vũ Trường S, Phạm Bá C đã có hành vi “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”, Lê Nông đã có hành vi “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, cụ thể như sau:

1. Hành vi vi phạm các quy định về bảo đảm tiền vay trong hoạt động cấp tín dụng ngắn hạn cho Công ty M:

Ngày 10 tháng 6 năm 2008, VRB.HCM ký Hợp đồng tín dụng ngắn hạn, hạn mức số 42/2008/HĐTD cho Công ty M vay theo hạn mức 30 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động kinh doanh cà phê, thời hạn là 12 tháng (nhưng chỉ có tài sản đủ điều kiện thế chấp là nhà, đất số 235/10 Thích Quảng Đức, Phường 4, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh có trị giá 4.191.000.000 đồng đảm bảo số tiền vay tối đa 2.900.000.000 đồng và cho đến ngày 08/8/2008 thì Công ty M mới hoàn thiện thủ tục thế chấp tài sản đảm bảo cho VRB.HCM). Tuy nhiên, VRB.HCM vẫn giải ngân tiền vay cho Công ty M nhiều lần.

Ngày 03 tháng 10 năm 2008, VRB.HCM ký Phụ lục Hợp đồng tín dụng hạn mức số 42a nâng hạn mức cho Công ty M vay lên 80 tỷ đồng. Tuy nhiên trong quá trình giải ngân cũng chỉ có 01 bất động sản được thế chấp là nhà đất số 235/10 Thích Quảng Đức nêu trên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2009, VRB.HCM ký tiếp Phụ lục Hợp đồng tín dụng hạn mức số 42b nâng hạn mức cho Công ty M vay là 110 tỷ đồng, thời hạn rút vốn đến 30 tháng 6 năm 2009. Nhưng trong quá trình giải ngân cũng vẫn chỉ có nhà, đất tại số 235/10 Thích Quảng Đức nêu trên được thế chấp đảm bảo khoản vay.

Tiếp đến ngày 30 tháng 6 năm 2009, VRB.HCM lập báo cáo số 700/BC-QLRR, đề nghị Ngân hàng Liên doanh V (viết tắt là VRB) phê duyệt hạn mức tín dụng 150 tỷ đồng cho Công ty M vay. Tài sản dự kiến để đảm bảo hạn mức tiền vay là 07 bất động sản, gồm: Nhà đất tại số 142B Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, quận Phú Nhuận, TP.HCM (của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hải Thạch); Nhà đất tại số 235/10 Thích Quảng Đức, Phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM (của Hồ Minh Hậu và Phạm Thị Ái Loan); Nhà đất tại số 722 Nguyễn Kiệm, Phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM (của Công ty M); Quyền sử dụng đất 2.576,2 m², Quyền sử dụng đất 200 m² và Nhà số 600C đường Xa lộ Hà Nội, phường A, Quận 2, TP.HCM (mang tên Công ty TNHH K); Quyền sử dụng đất 8.007 m² tại xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, TP.HCM (của ông Lại Văn Lơ). Đến Ngày 22 tháng 7 năm 2009, VRB có văn bản Thông báo phê duyệt tín dụng số 541/QLRR về việc cấp hạn mức tín dụng 130 tỷ đồng cho Công ty M; tài sản đảm bảo là 07 bất động sản nêu trên với điều kiện giải ngân là: “Chi nhánh thực hiện chấm điểm xếp hạng lại doanh nghiệp để áp dụng chính sách khách hàng cho phù hợp (theo đúng quyết định số 0560/QĐ-QHKH ngày 21/5/2009 của Tổng Giám đốc); chỉ giải ngân khi đã hoàn thành thủ tục thế chấp tài sản đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật và chỉ giải ngân theo đúng tỷ lệ tài sản đảm bảo được quy định tại Quyết định số 0740/QĐ-QLRR ngày 14/8/2008...”.

Cùng ngày 22 tháng 7 năm 2009, VRB.HCM (đại diện là Trần H - Phó giám đốc phụ trách trực tiếp) ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 75/2009/HĐTDHM cho Công ty M vay 130 tỷ đồng. Tài sản thế chấp là 07 bất động sản nêu trên. Tuy nhiên khi tiến hành giải ngân thì chỉ có các tài sản gồm: nhà, đất tại số 235/10 Thích Quảng Đức, Phường 4, quận Phú Nhuận; nhà số 722 Nguyễn Kiệm và nhà số 142B Nguyễn Văn Trỗi có tổng giá trị 32.190.000.000 đồng (chỉ được đảm bảo cho số tiền vay tối đa 22.498.000.000 đồng) là được thực hiện thế chấp giao dịch đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Các tài sản còn lại không được thế chấp giao dịch đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Tính đến thời điểm ngày 04 tháng 02 năm 2010, khi Hồ Minh Hậu và Phạm Thị Ái Loan bỏ trốn thì Công ty M còn dư nợ quá hạn tại VRB.HCM 17 khoản vay thuộc Hợp đồng tín dụng hạn mức số 75/2009, với tổng số tiền nợ gốc là 117.170.000.000 đồng. VRB.HCM đã thu hồi nợ gốc của Công ty M được 30.957.149.000 đồng (từ các nguồn: Công ty M trả nợ vay 1.000.000.000 đồng; Công ty Hải Thạch trả nợ thay cho Công ty M 14.541.000.000 đồng; phát mãi nhà số 235/10 Thích Quảng Đức, Phường 4, quận Phú Nhuận và nhà số 722 Nguyễn Kiệm, Phường 4, quận Phú Nhuận 15.416.149.000 đồng). Số tiền nợ gốc còn lại của Công ty M là 86.212.851.000 đồng, VRB.HCM chưa thu hồi được do Hồ Minh Hậu và Phạm Thị Ái Loan chiếm đoạt bỏ trốn.

Tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng, Trần H là Phó Giám đốc, trực tiếp phụ trách Phòng Quan hệ khách hàng và Phòng Dịch vụ khách hàng có thẩm quyền ký hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn, hợp đồng thế chấp tài sản, ký giải ngân các khoản cho vay theo hạn mức tín dụng đã được duyệt. Trần Đình D là cán bộ Phòng QHKKH được giao nhiệm vụ quản lý, theo dõi tín dụng của Công ty M và Công ty A, là người đề xuất 17 khoản vay và được Trần H phê duyệt toàn bộ nên cả hai cùng phải chịu trách nhiệm về thiệt hại số tiền 86.212.851.000 đồng của VRB.HCM chưa thu hồi được.

Lê Vũ Trường S là Phó Trưởng phòng QHKKH có trách nhiệm kiểm tra lại thông tin, ghi ý kiến đánh giá, ký duyệt Tờ trình đề xuất cấp tín dụng của cán bộ QHKKH. Sanh đã ký duyệt 10 tờ trình đề xuất của Trần Đình D, trong đó đồng ý đề xuất giải ngân 09 khoản vay với số tiền 31.642.851.000 đồng (trong tổng số 86.212.851.000 đồng nêu trên).

2. Hành vi vi phạm các quy định về bảo đảm tiền vay trong hoạt động cấp tín dụng ngắn hạn cho Công ty A:

Ngày 06/8/2008 VRB đã phê duyệt cấp hạn mức tín dụng 100 tỷ đồng tại VRB.HCM để cho Công ty A vay với điều kiện là: Chi nhánh chỉ giải ngân đảm

bảo theo tỷ lệ cho vay/giá trị tài sản đảm bảo tối đa là 70%; chỉ giải ngân vốn vay sau khi khách hàng đã hoàn thành thủ tục thế chấp tài sản đảm bảo cho ngân hàng theo luật định...

Ngày 21/8/2008, VRB.HCM ký Hợp đồng tín dụng số 56 cho Công ty A vay theo hạn mức **100** tỷ đồng. Tài sản đảm bảo gồm: Quyền sử dụng đất 28.845 m² tại thị trấn Dĩ An, tỉnh Bình Dương và 16.313 m² nhà xưởng xây dựng trên đất có tổng giá trị 111.698.415.000 đồng (theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty Cổ phần tư vấn & thẩm định giá Đông Nam) và cầm cố lô hàng cà phê tại kho của doanh nghiệp. Nhưng toàn bộ tài sản đảm bảo trên đang được thế chấp hợp pháp cho khoản vay của Công ty A tại Ngân hàng **TMCP** Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Bình Dương (VCB KCN Bình Dương) chưa được giải chấp nên không thể hoàn thành thủ tục thế chấp tài sản đảm bảo cho VRB.HCM theo luật định.

Trong số các khoản cho vay theo Hợp đồng tín dụng số 56 nêu trên, có khoản tiền 34 tỷ đồng giải ngân ngày 29/7/2009 và ngày 30/7/2009. Tính đến thời điểm ngày 04/02/2010, khi Hồ Minh Hậu và Phạm Thị Ái Loan bỏ trốn thì Công ty A còn nợ gốc của VRB.HCM là 34 tỷ đồng (gồm 22 tỷ đồng của khoản vay ngày 29/7/2009 và 12 tỷ đồng của khoản vay ngày 30/7/2009) nhưng không có tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Theo đó Trần Đình D là người đề xuất và Trần H là người ký phê duyệt 02 khoản vay không có tài sản đảm bảo, theo đó D và H cùng phải chịu trách nhiệm về thiệt hại số tiền 34 tỷ đồng chưa thu hồi được. Phạm Bá C (Phó trưởng phòng QHKKH) có trách nhiệm kiểm tra lại thông tin, ghi ý kiến đánh giá, ký duyệt Tờ trình đề xuất cấp tín dụng của cán bộ QHKKH. Trong số các khoản cho vay trên, có khoản vay ngày 29/7/2009 do Trần Đình D lập tờ trình đề xuất cho vay, Phạm Bá C ký xác nhận việc đồng ý với đề xuất giải ngân 30 tỷ đồng cho Công ty A (đã thu hồi được 8 tỷ đồng) nên C phải chịu trách nhiệm về số tiền 22 tỷ đồng chưa thu hồi được (trong tổng số tiền 34 tỷ đồng nêu trên).

3. Hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng của Lê Nông:

Lê Nông được Tổng Giám đốc VRB bổ nhiệm chức vụ Quyền Giám đốc VRB.HCM từ khi thành lập Chi nhánh và được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc từ ngày 01 tháng 3 năm 2009.

Quy chế tổ chức và hoạt động của VRB.HCM (Ban hành kèm theo Quyết định số 0061/QĐ-VP ngày 28/01/2008 của Tổng giám đốc VRB) quy định trách nhiệm và quyền hạn của Giám đốc Chi nhánh là: Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc VRB về thực hiện các nhiệm vụ của Chi

nhánh; kiểm soát mọi hoạt động chuyên môn của Chi nhánh; xây dựng kế hoạch và kiểm tra giám sát chương trình công tác, biện pháp thực hiện hàng tháng, quý, năm và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện...

VRB.HCM phân công nhiệm vụ và quy định nguyên tắc làm việc của Ban Giám đốc Chi nhánh tại Thông báo số 248/TB-KTTH ngày 30/7/2008. Theo đó: Quyền Giám đốc Lê Nông quản lý điều hành và chịu trách nhiệm chung về mọi mặt hoạt động của VRB.HCM theo đúng pháp luật và quy định của VRB; trực tiếp chỉ đạo, phụ trách các phòng nghiệp vụ: Kế toán tài chính, Quản lý rủi ro.

Phó Giám đốc là người giúp Giám đốc quản lý, điều hành một số lĩnh vực hoạt động của Chi nhánh và chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

Thực hiện quyền hạn, trách nhiệm của mình, Lê Nông đã ký Báo cáo đề xuất số 134/BC-QLRR ngày 22/5/2008 và Báo cáo thẩm định rủi ro số 218/BC-QLRR ngày 10/7/2008 trình Tổng Giám đốc VRB đề nghị phê duyệt hạn mức tín dụng 100 tỷ đồng cho Công ty A; ký Báo cáo đề xuất số 700/BC-QLRR ngày 30/6/2009 đề nghị phê duyệt hạn mức tín dụng cho Công ty M 150 tỷ đồng. Tuy vậy, sau khi VRB phê duyệt hạn mức tín dụng cho Công ty A và Công ty M (kèm theo điều kiện giải ngân: Chi nhánh chịu trách nhiệm yêu cầu khách hàng bổ sung và hoàn thiện thế chấp tài sản đảm bảo để đủ bảo đảm cho giá trị hạn mức tín dụng được cấp; Chi nhánh chỉ giải ngân khi đã hoàn thành thủ tục thế chấp tài sản đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật...), Lê Nông đã không chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của cấp dưới là phải bổ sung và hoàn thiện thế chấp tài sản đảm bảo theo hạn mức được duyệt mới được phép giải ngân cho khách hàng vay mà để mặc cho cấp dưới là Trần H và đồng phạm tiến hành giải ngân tiền vay cho Công ty M và Công ty A vay vốn trong tình trạng không có tài sản đảm bảo hoặc tài sản đảm bảo không được thế chấp theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra khi nhận được yêu cầu của Phòng Quản lý rủi ro của Ngân hàng VRB yêu cầu Chi nhánh VRB.HCM giải trình về việc giải ngân cho Công ty A nhưng không có tài sản đảm bảo thì Lê Nông không có biện pháp chỉ đạo thực hiện mà chuyển trách nhiệm cho cấp phó bằng cách bút phê vào Công văn với nội dung: “Gửi QHKH/QLRR, đồng chí H chỉ đạo vấn đề này dứt điểm theo chỉ đạo của Tổng Giám đốc hoặc ghi Kính chuyển QHKH/QLRR, đồng chí H chỉ đạo”.

Như vậy, Lê Nông trong quá trình thực hiện hợp đồng hạn mức tín dụng với Công ty A và Công ty M, đã không làm hết trách nhiệm được giao là chỉ

đạo, yêu cầu cấp dưới thực hiện biện pháp về bảo đảm tiền vay theo các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và yêu cầu của VRB, để mặc cho Trần H và đồng phạm là cán bộ cấp dưới tự thực hiện, dẫn đến việc giải ngân cho vay không có tài sản bảo đảm, gây thiệt hại cho VRB.HCM số tiền [120.212.851.000](#) đồng chưa thu hồi được.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 147/2020/HS-ST ngày 26/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Trần H 12 (mười hai) năm tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 25 tháng 5 năm 2011 đến ngày 01 tháng 9 năm 2011.

Cấm bị cáo Trần H đảm nhiệm các chức vụ trong lĩnh vực Ngân hàng 04 (bốn) năm sau khi chấp hành xong hình phạt tù.

- Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo Trần Đình D 10 (mười) năm tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30 tháng 5 năm 2011 đến ngày 01 tháng 9 năm 2011.

Cấm bị cáo Trần Đình D đảm nhiệm các chức vụ trong lĩnh vực Ngân hàng 04 (bốn) năm sau khi chấp hành xong hình phạt tù.

- Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017:

+ Xử phạt: Bị cáo Lê Vũ Trường S 09 (chín) năm tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 25 tháng 5 năm 2011 đến ngày 01 tháng 9 năm 2011.

+ Xử phạt: Bị cáo Phạm Bá C 08 (tám) năm tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Thời hạn chấp hành hình

phạt tù tính từ ngày bắt chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 25 tháng 5 năm 2011 đến ngày 01 tháng 9 năm 2011.

Cấm bị cáo Lê Vũ Trường S, Phạm Bá C đảm nhiệm các chức vụ trong lĩnh vực Ngân hàng 04 (bốn) năm sau khi chấp hành xong hình phạt tù.

- Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Lê Nông 03 (ba) năm tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/5/2020). Giao bị cáo Lê Nông cho Ủy ban nhân dân phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Lê Nông cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc bị cáo Lê Nông phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 69 Luật Thi hành án Hình sự.

Cấm bị cáo Lê Nông đảm nhiệm các chức vụ trong lĩnh vực Ngân hàng 04 (bốn) năm sau khi chấp hành xong hình phạt.

- Về trách nhiệm dân sự: Tách phần bồi thường thiệt hại của Ngân hàng Liên doanh V đối với các bị cáo để giải quyết cùng vụ án Hồ Minh Hậu và đồng phạm.

- Kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh làm rõ các quan hệ giao dịch dân sự giữa Hồ Minh Hậu và Phạm Thị Ái Loan với Công ty TNHH K về các tài sản gồm: Quyền sử dụng đất 2.576,2m², Quyền sử dụng đất 200m² và Nhà số 600C đường Hà Nội, phường A, Quận 2, TP.HCM (mang tên Công ty TNHH K); về **số tiền do** Hồ Minh Hậu và Phạm Thị Ái Loan chiếm đoạt của Ngân hàng Liên doanh V chuyển các đối tượng khác trong các giao dịch dân sự, đồng thời tiến hành kê biên vật chứng (nếu có căn cứ) để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Trần H, Lê Vũ Trường S, Phạm Bá C kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm; bị cáo Trần Đình D kháng cáo xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm và các tình tiết giảm nhẹ.

Ngân hàng Liên doanh V kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu được bán phát mãi các tài sản là nhà đất 722 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh và 03 bất động sản tại Thành phố Hồ Chí

Minh; đề nghị Công ty Nam Minh Long phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi phát sinh trên nợ gốc 52.978.000.000 đồng.

Công ty TNHH K kháng cáo đề nghị buộc Ngân hàng V – Chi nhánh Hồ Chí Minh phải giao trả tất cả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH K.

Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 19/QĐ-VKS-P3 ngày 10/6/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị một phần bản án, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng tăng hình phạt tù đối với bị cáo Trần H, Trần Đình D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Xét kháng cáo kêu oan của Trần H, Trần Đình D, Lê Vũ Trường S, Phạm Bá C, các bị cáo là lãnh đạo, cán bộ VRB.HCM, biết rõ việc cho vay vốn không đảm bảo thủ tục thế chấp tài sản theo đúng quy định pháp luật là vi phạm, dẫn tới tài sản không thu hồi được, gây thiệt hại cho Ngân hàng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo kêu oan của các bị cáo.

Đối với kháng cáo của bị hại Ngân hàng Liên doanh V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty K: tại phiên tòa, có trình bày một số tình tiết mới nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo.

Bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo Trần H và Trần Đình D mức án chưa tương xứng với hành vi, chưa nghiêm khắc nên đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tăng hình phạt đối với các bị cáo.

Luật sư Đỗ Hải Bình bào chữa cho bị cáo Trần H, Trần Đình D trình bày: Các bị cáo Trần H, Trần Đình D bị cáo buộc phạm tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” là loại tội có cấu thành vật chất, hậu quả phải có yếu tố thiệt hại xảy ra. Tuy nhiên, trong toàn bộ vụ án, cơ quan tiến hành tố tụng đều cho rằng các khoản vay chưa thu hồi được, như vậy là chưa xác định được thiệt hại có hay không. Trong số 7 tài sản đảm bảo thì có 2 tài sản đảm bảo được thế chấp theo đúng thủ tục trình tự, có những tài sản cơ quan điều tra yêu cầu Ngân hàng giao lại cho các chủ sở hữu; vì vậy, kết luận khoản vay hơn 86 tỷ đồng chưa thu hồi được là không phù hợp. Việc cho vay của Công ty A là đúng quy định, có tài sản đảm bảo, tài sản Ngân hàng nắm giữ, sau đó cơ quan điều tra bàn giao cho người khác không đúng quy định pháp luật.

Cơ quan tố tụng chưa làm rõ khối tài sản đưa vào thế chấp nên đề nghị chấp nhận kháng cáo của 2 bị cáo, áp dụng điểm c khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự, hủy án sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Văn Tài bào chữa cho bị cáo Phạm Bá C trình bày: Về tội danh, luật sư thống nhất quan điểm của luật sư Bình đã trình bày. Cơ quan tiến hành tố tụng không chứng minh được bị cáo gây ra thiệt hại bao nhiêu để làm tình tiết định khung. Đối với 5 tài sản đưa vào thế chấp, đang làm thủ tục thì Ngân hàng có đơn yêu cầu cơ quan công an hỗ trợ thu hồi nợ. Do đó, cơ quan điều tra tự xử lý các tài sản bằng cách giao cho cá nhân, tổ chức trong khi vụ án chưa xét xử xong là không phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại vụ án.

Luật sư Nguyễn Văn Chiến bào vệ cho bị cáo Lê Vũ Trường S trình bày: Về tố tụng, cơ quan điều tra có nhiều vi phạm tố tụng nghiêm trọng, Ngân hàng VRB.HCM có đơn xin hỗ trợ thu hồi nợ nhưng cơ quan điều tra căn cứ đơn đề khởi tố vụ án là không đúng điều 100 Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, vi phạm về xử lý vật chứng. Cụ thể: đối với lô hàng hóa cà phê tại kho Công ty An Bình Phú (Công ty M có biên bản cầm cố tài sản này với Ngân hàng VRB.HCM); tuy nhiên, cơ quan điều tra tự ý mở niêm phong không có mặt đại diện VRB.HCM, bán lô hàng không thông báo, tự ý xử lý tiền bán vật chứng mà không giao tiền cho VRB.HCM, dẫn tới thất thoát của VRB.HCM, liên quan tới trách nhiệm hình sự của các bị cáo đối với khoản vay của Công ty M.

Đối với tài sản nhà kho, nhà xưởng ở Bình Dương, đã xóa thế chấp với Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh khu công nghiệp Bình Dương, do Công ty A thế chấp cho Ngân hàng VRB.HCM nhưng Viện kiểm sát nhân dân tối cao lại hủy bỏ lệnh kê biên giao lại tài sản cho VCB CN KCN Bình Dương, cũng liên quan tới trách nhiệm hình sự của các bị cáo đối với khoản vay của Công ty A. Các bất động sản ở quận 2 do Công ty M thế chấp cho VRB.HCM, Ngân hàng nhà nước có tiến hành thanh tra nhưng không kết luận VRB.HCM nhận thế chấp vi phạm quy định. Mặc dù chưa đảm bảo về thủ tục nhưng thực tế tài sản do VRB.HCM đang nắm giữ thì có khả năng thu hồi nợ.

Kết luận giám định số 399/KLGD-NHNN ngày 16/01/2018 của Ngân hàng nhà nước kết luận các giấy tờ tài sản không đảm bảo tính pháp lý, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét kết luận giám định này có hợp pháp không vì cơ quan giám định không có quyền kết luận về tính pháp lý.

Về tội danh, luật sư đồng ý với quan điểm của các luật sư đồng nghiệp đã trình bày. Giai đoạn xét xử sơ thẩm, Tòa án đưa thiếu người tham gia tố tụng là ông Lại Văn Lơ và cơ quan thi hành án. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội

đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Vũ Trường S, hủy bản án sơ thẩm.

Ông Nguyễn Kiều G, đại diện Ngân hàng VRB trình bày: Bản án sơ thẩm tuyên tách các tài sản để giải quyết trong vụ án Hồ Minh Hậu là không hợp lý, không đảm bảo được quyền lợi của VRB. Đối với các tài sản tại quận 2, các tài sản này đã chuyển nhượng cho Hậu và thế chấp cho khoản vay của Công ty M nên có giá trị bảo đảm đề nghị Tòa án giao VRB có quyền xử lý tài sản này hoặc giao VRB quản lý vì đây là vật chứng cho tới khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền. Đối với tài sản của Công ty A tại Bình Dương, các tài sản không còn thế chấp cho khoản vay tại Vietcombank CN KCN Bình Dương mà đã thế chấp bảo đảm cho khoản vay tại Ngân hàng VRB. Căn nhà số 722 Nguyễn Kiệm được thế chấp đúng quy định pháp luật nhưng cũng chưa xử lý để VRB thu hồi tài sản. Vợ chồng Hồ Minh Hậu và Công ty M sử dụng sai mục đích sử dụng vốn vay cho Công ty Nam Minh Long cho nên VRB được quyền đòi lại đối với người đang nắm giữ bất hợp pháp. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc Công ty Nam Minh Long trả lại tiền vay cho VRB. Đối với tài sản của ông Lại Văn Lơ, chưa đưa vào thế chấp cho VRB nên VRB không có yêu cầu gì với tài sản này.

Ông Phan Ngọc B đại diện Công ty K trình bày: Hồ Minh Hậu dùng các bất động sản ở quận 2 thế chấp cho VRB.HCM nên đại diện của Công ty K có thỏa thuận và nhận trách nhiệm nhưng số tiền chưa thống nhất nên Công ty sẽ cùng phía Ngân hàng làm việc cụ thể để Ngân hàng thực hiện quyền xử lý tài sản theo quy định. Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh đã thi hành đối với các tài sản của Công ty K đưa vào thế chấp nhưng tòa án cấp sơ thẩm không đưa Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh và người trúng đấu giá vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng tố tụng nên đề nghị hủy án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp với phần bào chữa của các luật sư như sau: Về tài sản thế chấp, tài sản chưa được đăng ký thế chấp theo quy định thì không phát sinh hiệu lực. Các luật sư cho rằng tài sản do VRB nắm giữ nên tài sản chưa thu hồi được chứ không phải không thu hồi được là không có căn cứ. Hành vi của các bị cáo đã hoàn thành kể từ thời điểm giải ngân; có thu hồi được tài sản cũng là biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi sai phạm của các bị cáo gây ra. Từ đó, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Đơn kháng cáo của các bị cáo Trần H, Trần Đình D, Lê Vũ Trường S, Phạm Bá C; kháng cáo của Ngân hàng Liên doanh V; kháng cáo của Công ty TNHH K; Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 19/QĐ-VKS-P3 ngày 10/6/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đúng luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Xét kháng cáo của các bị cáo Trần H, Lê Vũ Trường S, Phạm Bá C yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm:

[1]. Theo Thông báo phê duyệt tín dụng số 541/QLRR về việc cấp hạn mức tín dụng khoản vay 130 tỷ đồng cho Công ty M, tài sản đảm bảo là 07 bất động sản với điều kiện giải ngân là: “Chi nhánh thực hiện chấm điểm xếp hạng lại doanh nghiệp để áp dụng chính sách khách hàng cho phù hợp (theo đúng quyết định số 0560/QĐ-QHKH ngày 21/5/2009 của Tổng Giám đốc); chỉ giải ngân khi đã hoàn thành thủ tục thế chấp tài sản đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật và chỉ giải ngân theo đúng tỷ lệ tài sản đảm bảo được quy định tại Quyết định số 0740/QĐ-QLRR ngày 14/8/2008...”.

Ngày 22 tháng 7 năm 2009, bị cáo Trần H đại diện VRB.HCM ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 75/2009/HĐTDHM cho Công ty M vay 130 tỷ đồng. Khi tiến hành giải ngân, chỉ có các tài sản gồm: Nhà, đất tại số 235/10 Thích Quảng Đức, Phường 4, quận Phú Nhuận; nhà số 722 Nguyễn Kiệm và nhà số 142B Nguyễn Văn Trỗi là được thực hiện thế chấp giao dịch đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Còn lại 03 bất động sản tại Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, chưa thực hiện hợp đồng thế chấp, bảo lãnh tài sản và cũng chưa đăng ký việc thế chấp, bảo lãnh tài sản theo quy định pháp luật. Mặt khác, VRB.HCM giải ngân cho Công ty A hai khoản vay tổng 34 tỷ đồng khi chưa có thế chấp hay bảo lãnh tài sản, chưa thực hiện giao dịch bảo đảm. Đến nay, số tiền 86.212.851.000 đồng và 34.000.000.000 đồng của VRB.HCM cho Công ty M và Công ty A vay chưa xử lý thu hồi được trong vụ án.

[2]. Cơ quan điều tra đã xác định nguồn tiền Công ty M và Công ty A do Hồ Minh Hậu và Phạm Thị Ái Loan vay của VRB.HCM. Hậu và Loan đã sử dụng và cho Công ty Nam Minh Long, các cá nhân khác như: Lê Viết Trà, Lê Quang Tín, Lê Văn Dục... vay hơn 52 tỷ đồng nhưng không đưa họ vào tham gia tố tụng trong vụ án để xử lý để đối trừ và thu hồi tài sản là thiếu sót.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Ngân hàng VRB xác định căn nhà số 722 Nguyễn Kiệm thế chấp đúng trình tự thủ tục pháp luật nhưng do chưa xử lý nên chưa có căn cứ để xác định thiệt hại đối với khoản vay của Công ty M hơn 86 tỷ đồng.

[4]. Tài sản mà Công ty M thế chấp cho VRB.HCM là 7 bất động sản, trong đó có 3 bất động sản là: 2.576,2m² đất, 200m² đất và Nhà số 600C đường Hà Nội, phường A, Quận 2, TP.HCM của Công ty TNHH K chuyển nhượng cho Công ty M. Hợp đồng chuyển nhượng đã được công chứng và hiện Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất do VRB.HCM đang nắm giữ thể hiện việc Công ty M thế chấp tài sản cho VRB.HCM là có thật, trực tiếp liên quan đến vụ án. Xét về ý chí, Công ty K đã tự nguyện chuyển nhượng 3 tài sản trên cho Công ty M nên mới thực hiện hợp đồng chuyển nhượng tại phòng Công chứng và giao Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất cho Công ty M; cũng phù hợp với ý kiến của đại diện Công ty K tại Tòa, muốn giao tài sản trên cho Ngân hàng để xử lý tài sản, giải quyết quyền lợi cho các bên. Ngoài ra, đối với tài sản là diện tích đất 8.007m² tại xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Lại Văn Lơ đứng tên sử dụng, đại diện VRB.HCM xác định hệ thống của VRB không ghi nhận có đăng ký thế chấp với tài sản này; tuy nhiên, cũng chưa được cấp sơ thẩm điều tra, làm rõ.

Cơ quan điều tra đã xác định được tài sản và chủ tài sản, những người có liên quan nhưng không điều tra, kết luận mà tách ra giải quyết trong vụ án Hồ Minh Hậu và Phạm Thị Ái Loan trong khi Hậu, Loan đã bỏ trốn, dẫn đến vụ án chưa xác định được thiệt hại và khắc phục hậu quả để làm căn cứ định khung tội danh và tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo theo quy định của pháp luật; đồng thời cũng chưa thu hồi được tài sản cho nhà nước trong vụ án hình sự là thiếu sót.

[5]. Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành tổ chức thi hành 03 bản án, quyết định liên quan đến người phải thi hành án là Công ty TNHH K đối với 3 bất động sản là: 2.576,2m² đất, 200m² đất và Nhà số 600C đường Hà Nội, phường A, Quận 2, TP.HCM mà Công ty TNHH K chuyển nhượng cho Công ty M. Các tài sản này có liên quan trong vụ án, Công ty K có khiếu nại gửi Cơ quan điều tra nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh và người trúng đấu giá vào tham gia tố tụng để giải quyết vụ án mà kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục xem xét là chưa phù hợp.

[6]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy việc điều tra ở cấp sơ thẩm chưa đầy đủ, chưa xác định được hậu quả thiệt hại, có vi phạm thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục, bổ sung được. Do đó, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần H, Trần Đình D, Lê Vũ Trường S, Phạm Bá C; chấp nhận một phần kháng cáo của Ngân hàng Liên doanh V, của Công ty TNHH K; chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số

19/QĐ-VKS-P3 ngày 10/6/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo Lê Nông không có kháng cáo, không bị kháng nghị; tuy nhiên, việc hủy án có liên quan tới trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự của bị cáo nên hủy toàn bộ Bản án hình sự số 147/2020/HS-ST ngày 26/5/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao điều tra, giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[7]. Các bị cáo Trần H, Trần Đình D, Lê Vũ Trường S, Phạm Bá C; Ngân hàng Liên doanh V; Công ty TNHH K không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần H, Trần Đình D, Lê Vũ Trường S, Phạm Bá C; chấp nhận một phần kháng cáo của Ngân hàng Liên doanh V, của Công ty TNHH K; chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 19/QĐ-VKS-P3 ngày 10/6/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Hủy toàn bộ Bản án hình sự số 147/2020/HS-ST ngày 26/5/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao điều tra, giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

2. Về án phí phúc thẩm: Các bị cáo Trần H, Trần Đình D, Lê Vũ Trường S, Phạm Bá C; Ngân hàng Liên doanh V; Công ty TNHH K không phải chịu.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1)
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1)
- TAND TP Hồ Chí Minh (1);
- VKSND TP Hồ Chí Minh (1);
- Cục THADS TP Hồ Chí Minh(1);
- CA TP Hồ Chí Minh (1);
- Sở tư pháp TP Hồ Chí Minh (1);
- Bị cáo (5);
- Đường sự (5);
- Lưu VT (6) HS(1) 24b-PTHH.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý